

Số: 14/14 /QĐ-UBND

Tây Ninh, ngày 08 tháng 7 năm 2020

QUYẾT ĐỊNH

Phê duyệt báo cáo đánh giá tác động môi trường Dự án Nhà máy chế biến cao su Hiệp Thạnh của Công ty cổ phần cao su Tây Ninh

CHỦ TỊCH ỦY BAN NHÂN DÂN TỈNH

Căn cứ Luật Tổ chức Chính quyền địa phương ngày 19 tháng 6 năm 2015;

Căn cứ Luật Bảo vệ môi trường ngày 23 tháng 6 năm 2014;

Căn cứ Nghị định số 40/2019/NĐ-CP ngày 13 tháng 5 năm 2019 của Chính phủ về sửa đổi, bổ sung một số điều của các nghị định quy định chi tiết, hướng dẫn thi hành Luật Bảo vệ môi trường;

Căn cứ Thông tư số 25/2019/TT-BTNMT ngày 31 tháng 12 năm 2019 của Bộ Tài nguyên và Môi trường quy định chi tiết thi hành một số điều của Nghị định số 40/2019/NĐ-CP ngày 13 tháng 5 năm 2019 của Chính phủ về sửa đổi, bổ sung một số điều của các nghị định quy định chi tiết, hướng dẫn thi hành Luật Bảo vệ môi trường và quy định quy định quản lý hoạt động dịch vụ quan trắc môi trường;

Theo đề nghị của Sở Tài nguyên và Môi trường tại Văn bản số 3073/STNMT-PBVMT ngày 19 tháng 5 năm 2020 về việc chỉnh sửa, bổ sung nội dung báo cáo đánh giá tác động môi trường Dự án Nhà máy chế biến cao su Hiệp Thạnh tại ấp Đá Hàng, xã Hiệp Thạnh, huyện Gò Dầu, tỉnh Tây Ninh của Công ty cổ phần cao su Tây Ninh;

Xét nội dung báo cáo đánh giá tác động môi trường Dự án Nhà máy chế biến cao su Hiệp Thạnh tại ấp Đá Hàng, xã Hiệp Thạnh, huyện Gò Dầu, tỉnh Tây Ninh đã được chỉnh sửa, bổ sung gửi kèm Văn bản số 539/CSTN-KT ngày 29 tháng 5 năm 2020 của Công ty cổ phần cao su Tây Ninh;

Theo đề nghị của Giám đốc Sở Tài nguyên và Môi trường tại Tờ trình số: 3858/TTr-STNMT ngày 19 tháng 6 năm 2020.

QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1. Phê duyệt báo cáo đánh giá tác động môi trường của Dự án Nhà máy chế biến cao su Hiệp Thạnh (sau đây gọi là Dự án) tại ấp Đá Hàng, xã Hiệp Thạnh, huyện Gò Dầu, tỉnh Tây Ninh (sau khi được cấp Giấy chứng nhận đầu tư, Công ty phải tiếp tục thực hiện các quy định hiện hành) của Công ty cổ phần cao su Tây Ninh (sau đây gọi là Chủ dự án) thực hiện với các nội dung chính tại Phụ lục ban hành kèm theo Quyết định này

Điều 2. Chủ dự án có trách nhiệm:

1. Niêm yết công khai Quyết định phê duyệt báo cáo đánh giá tác động môi trường theo quy định pháp luật.

2. Thực hiện nghiêm túc nội dung báo cáo đánh giá tác động môi trường đã được phê duyệt tại Điều 1 Quyết định này.

Điều 3. Quyết định phê duyệt báo cáo đánh giá tác động môi trường của Dự án là căn cứ để cơ quan nhà nước có thẩm quyền kiểm tra, thanh tra, giám sát việc thực hiện các yêu cầu về bảo vệ môi trường của Dự án.

Điều 4. Quyết định này có hiệu lực kể từ ngày ký và thay thế Quyết định số 344/QĐ-UB ngày 24 tháng 9 năm 1997 của Chủ tịch UBND tỉnh Tây Ninh phê duyệt báo cáo đánh giá tác động môi trường Dự án Nhà máy chế biến cao su Bền Củi, Nhà máy chế biến cao su Vên Vên; Quyết định số 2752/QĐ-STNMT ngày 31/12/2009 của Sở Tài nguyên và Môi trường phê duyệt Đề án bảo vệ môi trường Xưởng chế biến mủ cao su Latex với quy mô, công suất 10.000 tấn/năm./.

Nơi nhận:

- Chủ dự án;
- CT, các PCT.UBND tỉnh;
- Sở TN&MT;
- UBND huyện Gò Dầu;
- L&VP-CVK;
- Lưu: VT, VP Đ&BQH, H&ND và UBND tỉnh.

24KTTT_V_NAM_QDUB

13

**KT. CHỦ TỊCH
PHÓ CHỦ TỊCH.**



Trần Văn Chiến



PHỤ LỤC
CÁC NỘI DUNG, YÊU CẦU VỀ BẢO VỆ MÔI TRƯỜNG
DỰ ÁN NHÀ MÁY CHẾ BIẾN CAO SU HIỆP THẠNH
CỦA CÔNG TY CỔ PHẦN CAO SU TÂY NINH

(Kèm theo Quyết định số: 14.1...4./QĐ-UBND ngày 0.8 tháng 7 năm 2020
 của Chủ tịch UBND tỉnh Tây Ninh)

1. Thông tin về Dự án:

- Tên dự án: Nhà máy chế biến cao su Hiệp Thạnh
 - Địa điểm thực hiện: Ấp Đá Hàng, xã Hiệp Thạnh, huyện Gò Dầu, tỉnh Tây Ninh.

- Chủ dự án: Công ty cổ phần cao su Tây Ninh.

1.1 Phạm vi, quy mô:

- Tổng diện tích đất của Dự án là 93.352 m².

- Mục tiêu, quy mô:

+ Sản xuất sản phẩm latex cao su thiên nhiên cô đặc quy mô 6.400 tấn/năm;

+ Sản xuất sản phẩm cao su SVR10, SVR20 (nguyên liệu từ mủ tạp) quy mô 3.500 tấn/năm.

1.2 Các hạng mục công trình: Khu hành chính: văn phòng, nhà bảo vệ, nhà xe,...; Khu sản xuất: khu sản xuất, khu thành phẩm sản phẩm, mương đánh đồng skim, nhà quản lý chất lượng, văn phòng xưởng, kho vật tư, khu xử lý nước cấp, khu xử lý nước thải, kho chứa chất thải, nhà đặt máy phát điện, kho hóa chất, kho cơ khí,...

1.3 Công nghệ sản xuất của Dự án:

Quy trình sản xuất sản phẩm Latex cao su thiên nhiên cô đặc: Nguyên liệu (mủ nước) → Bồn tiếp nhận/lọc mủ → Ly tâm → Khuấy trộn → Kiểm tra → Bồn chứa thành phẩm

Quy trình sản xuất sản phẩm SVR10, SVR20: Nguyên liệu (mủ tạp) → Tiếp nhận → Cắt, rửa, trộn lần 1, 2 → Cán rửa lần 1, 2,3 → Băm thô → Cán rửa lần 4, 5, 6, 7 → Băm tinh → Sấy → Phân loại → Cân và ép bành → Kiểm tra, đóng gói → Thành phẩm.

2. Các tác động môi trường chính, chất thải phát sinh từ Dự án:

2.1. Các tác động môi trường chính của Dự án:

- Nước thải sinh hoạt phát sinh từ hoạt động của công nhân viên.
- Nước thải từ hoạt động nấu ăn.
- Nước thải từ quá trình sản xuất, vệ sinh thiết bị, nhà xưởng, từ hệ thống xử lý khí thải.

Handwritten mark or signature.

- Mùi, khí thải phát sinh từ công đoạn sấy mũ.
- Mùi từ dây chuyền sản xuất mũ latex và mũ skim.
- Chất thải rắn sinh hoạt, chất thải thông thường và chất thải nguy hại phát sinh từ hoạt động sản xuất.

2.2. Quy mô, tính chất của nước thải:

- Nước thải sinh hoạt phát sinh từ hoạt động của nhân viên Dự án khoảng 7,14 m³/ngày đêm. Thành phần: Chất thải rắn lơ lửng (SS), BOD, COD, Nitơ, Photpho, Coliform...
- Nước thải sản xuất phát sinh từ hoạt động sản xuất của Dự án. Khoảng 576,01 m³/ngày đêm.

2.3. Quy mô, tính chất của bụi, khí thải:

- Mùi, khí thải phát sinh từ công đoạn sấy. Thành phần: Khí H₂S, NH₃, Cl₂.
- Mùi, khí thải phát sinh từ quá trình sản xuất mũ cao su latex, phụ phẩm mũ skim: Thành phần: khí NH₃.
- Mùi tại khu vực hệ thống xử lý nước thải.

2.4. Quy mô, tính chất của chất thải rắn công nghiệp thông thường:

- Chất thải rắn sinh hoạt phát sinh từ hoạt động của công nhân viên. Bao gồm: Bao bì, vỏ lon đựng thức uống, hộp thức ăn thừa,...
- Chất thải rắn công nghiệp phát sinh từ hoạt động sản xuất. Bao gồm: Bao bì thải, thùng carton, pallet gỗ thải, vụn mũ cao su rơi vãi, phụ phẩm mũ skim...

2.5. Quy mô, tính chất của chất thải nguy hại:

Chất thải nguy hại phát sinh từ hoạt động sản xuất. Bao gồm: Hộp mực in thải có chứa các thành phần nguy hại, bóng đèn huỳnh quang và các loại thủy tinh hoạt tính thải, dầu động cơ, hộp số và bôi trơn tổng hợp thải, bao bì mềm thải, bao bì cứng thải bằng kim loại, Bao bì cứng thải bằng nhựa,...

3. Các công trình và biện pháp bảo vệ môi trường của Dự án:

3.1. Về thu gom và xử lý nước thải:

- Quy trình công nghệ thu gom, xử lý nước thải của Dự án như sau:
 - + Lắp đặt đồng hồ đo lưu lượng đầu vào, đầu ra, tái sử dụng nước. Thường xuyên kiểm định, hiệu chuẩn theo quy định
 - + Xây dựng bể tự hoại để xử lý nước thải sinh hoạt phát sinh trước khi thu gom về hệ thống xử lý nước thải của Dự án.
 - + Xây dựng bể tách dầu mỡ để xử lý nước thải từ nhà ăn trước khi thu gom về hệ thống xử lý nước thải của Dự án.
 - + Công ty đã xây dựng hệ thống xử lý nước thải, công suất 1.700 m³/ngày.đêm, quy trình: Nước thải sau xử lý sơ bộ (nước thải phát sinh từ dây chuyền sản xuất mũ latex và mũ nước → cụm bể gạn mũ → cụm bể tuyển mũ →

Handwritten mark

ngăn trộn) → Bể điều hòa → Bể lắng hóa lý I → Bể Anoxic I → Bể Anoxic II → Bể Arotank → Bể lắng sinh học → Bể keo tụ tạo bông → Bể lắng hóa lý II → Ngăn khử trùng → Nước thải sau xử lý đạt quy chuẩn QCVN 01-MT: 2015/BTNMT, cột A.

+ Phương án tái sử dụng nước: Nước thải sau khi qua các công đoạn xử lý đạt QCVN 01-MT: 2015/BTNMT, cột A được thu gom về mương oxy hóa, sau đó được bơm theo đường ống nhựa cung cấp nước cho công đoạn rửa nguyên liệu cao su mũ tạp trong dây chuyền sản xuất cao su SVR 10, SVR 20. Lưu lượng nước được tái sử dụng khoảng 300,74 m³/ngày.đêm.

+ Nước thải sau xử lý đạt QCVN 01-MT: 2015/BTNMT, cột A được xả ra sông Vàm Cỏ Đông lưu lượng khoảng 272,41 m³/ngày.đêm.

+ Thường xuyên theo dõi lưu lượng nước thải sau xử lý được xả ra sông Vàm Cỏ Đông; thực hiện lắp đặt hệ thống quan trắc nước thải tự động, liên tục đúng theo quy định.

3.2. Về xử lý bụi, khí thải:

- Lắp đặt 01 hệ thống thu hồi khí NH₃ tại công đoạn ly tâm mũ latex, quy trình: Khí NH₃ từ quá trình ly tâm → Hệ thống máng dẫn kín → Bơm hút khí NH₃ → Bồn thu hồi khí NH₃ → sử dụng cho mục đích chống khuẩn cho vườn cao su.

- Lắp đặt 01 hệ thống xử lý mùi, khí thải từ hệ thống sấy mũ tạp, quy trình: Mùi, khí thải từ quá trình sấy mũ tạp → Đường ống thu gom → Tháp hấp thụ (dung dịch hấp thụ là NaOH 10%) → Quạt hút → Ống thoát khí thải.

- Phun xịt chế phẩm khử mùi xung quanh khu vực xử lý nước thải, khu vực chứa mũ tạp.

3.3. Công trình, biện pháp thu gom, lưu giữ, quản lý, xử lý chất thải rắn công nghiệp thông thường:

- Bố trí các thùng chứa chất thải rắn sinh hoạt tại các khu vực có phát sinh.

- Chất thải rắn công nghiệp thông thường được thu gom hàng ngày về khu vực lưu trữ.

- Chất thải rắn sinh hoạt và chất thải rắn công nghiệp thông thường được thu gom và ký hợp đồng với đơn vị có chức năng thu gom, vận chuyển, xử lý theo quy định của pháp luật hiện hành.

- Phụ phẩm mũ skim → Tách NH₃ → Đánh đông → Cán ép → Sấy.

3.4. Công trình, biện pháp thu gom, lưu giữ, quản lý, xử lý chất thải nguy hại:

- Xây dựng kho lưu giữ chất thải nguy hại có vách ngăn lưu giữ riêng biệt cho từng loại. Hợp đồng với đơn vị có chức năng thu gom, vận chuyển, xử lý theo quy định của pháp luật hiện hành.

- Tần suất thu gom, xử lý: 06 tháng/lần.

3.5. Biện pháp giảm thiểu ô nhiễm tiếng ồn, độ rung và ô nhiễm khác:

- Thực hiện biện pháp giảm thiểu tiếng ồn và độ rung: Trang bị nút bịt chống ồn cho công nhân, lắp đặt đệm chống ồn trong quá trình lắp đặt thiết bị, hoạt động tại nhà máy.

- Mạng lưới thu gom nước mưa: Nước mưa → thu gom dẫn vào hệ thống thoát nước mưa nội bộ của Dự án → nguồn tiếp nhận là sông Vàm Cỏ Đông.

3.6. Công trình, biện pháp phòng ngừa và ứng phó sự cố môi trường:

- Phương án phòng ngừa và ứng phó sự cố hệ thống xử lý khí thải: Thực hiện phương án phòng ngừa ứng phó sự cố theo đúng quy định tại Nghị định quy định về quy hoạch bảo vệ môi trường, đánh giá môi trường chiến lược, đánh giá tác động môi trường và kế hoạch bảo vệ môi trường đã được Bộ Tài nguyên và Môi trường xác thực Văn bản hợp nhất số 11/VBHN – BTNMT ngày 25/10/2019.

- Công tác phòng cháy và chữa cháy: Lắp đặt hệ thống báo cháy, ngăn cách cháy, bể chứa nước phòng cháy chữa cháy, phương tiện phòng cháy và chữa cháy phù hợp với tính chất, đặc điểm của nhà máy, đảm bảo chất lượng và hoạt động theo phương án được cấp có thẩm quyền phê duyệt và các tiêu chuẩn về phòng cháy và chữa cháy.

4. Danh mục công trình bảo vệ môi trường chính của Dự án:

- 01 hệ thống xử lý nước thải, công suất 1.700m³/ngày.đêm.
- 01 hệ thống thu gom khí NH₃ tại công đoạn ly tâm mũ latex.
- 01 hệ thống xử lý mùi, khí thải từ hệ thống sấy mũ tạp, mũ skim.
- Khu lưu giữ chất thải rắn công nghiệp thông thường.
- Khu lưu giữ chất thải rắn nguy hại.

5. Chương trình quản lý và giám sát môi trường của Chủ dự án:

5.1 Chương trình giám sát mùi, khí thải từ hệ thống sấy mũ tạp.

- Thông số giám sát: Lưu lượng, H₂S, NH₃, Cl₂.
- Tần suất: 03 tháng/lần
- Vị trí giám sát: 01 ống thoát khí sau hệ thống xử lý khí thải.
- Quy chuẩn áp dụng: QCVN 19:2009/BTNMT quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về khí thải công nghiệp đối với bụi và các chất vô cơ.

5.2 Chương trình giám sát nước thải.

- Thông số giám sát: pH, COD, TSS, BOD₅, Amoni, Tổng N.
- Tần suất: 03 tháng/lần
- Vị trí giám sát: sau hệ thống xử lý nước thải.
- Quy chuẩn áp dụng: QCVN 01-MT:2015/BTNMT, cột A (k_q = 0,9; k_f = 1,0).

5.2 Chương trình giám sát chất thải rắn, chất thải nguy hại:

- Thông số giám sát: Khối lượng, chủng loại, hóa đơn, chứng từ giao nhận chất thải.
- Tần suất: Thường xuyên, liên tục.
- Vị trí giám sát: Khu vực lưu giữ chất thải rắn phát sinh, chất thải rắn công nghiệp thông thường, chất thải nguy hại.
- Quy định áp dụng: Nghị định về quản lý chất thải và phế liệu đã được Bộ Tài nguyên và Môi trường xác thực Văn bản hợp nhất số 19/VBHN - BTNMT ngày 25/10/2019 và Thông tư số 36/2015/TT-BTNMT ngày 30/6/2015 của Bộ Tài nguyên và Môi trường quy định về quản lý chất thải nguy hại.

6. Các điều kiện có liên quan đến môi trường:

- Thiết kế, xây dựng hệ thống thu gom nước mưa riêng biệt với hệ thống thu gom nước thải; thu gom, xử lý toàn bộ nước thải phát sinh trong quá trình hoạt động của Dự án đạt tiêu chuẩn, quy chuẩn theo quy định hiện hành.
- Thiết kế, lắp đặt và vận hành hệ thống thu gom, xử lý mùi, khí thải sinh từ toàn bộ hoạt động sản xuất của Dự án đảm bảo xử lý đạt QCVN 19:2009/BTNMT, cột B và các tiêu chuẩn, quy chuẩn hiện hành có liên quan khác bắt buộc áp dụng trước khi thải ra môi trường.
- Thực hiện đầy đủ các biện pháp giảm thiểu các nguồn phát sinh bụi, khí thải đảm bảo môi trường không khí xung quanh đạt QCVN 05:2013/BTNMT, QCVN 06:2009/BTNMT và đáp ứng các yêu cầu về tiếng ồn, độ rung được quy định tại QCVN 26:2010/BTNMT, QCVN 27:2010/BTNMT.
- Thực hiện quản lý các loại chất thải rắn, chất thải nguy hại phát sinh trong suốt quá trình chuẩn bị mặt bằng, thi công xây dựng, vận hành, kết thúc Dự án đảm bảo các yêu cầu về an toàn và vệ sinh môi trường theo quy định tại Nghị định về quản lý chất thải và phế liệu đã được Bộ Tài nguyên và Môi trường xác thực Văn bản hợp nhất số 19/VBHN-BTNMT ngày 25/10/2019 và Thông tư số 36/2015/TT-BTNMT ngày 30/6/2015 của Bộ Tài nguyên và Môi trường quy định về quản lý chất thải nguy hại.
- Phương án phòng ngừa, ứng phó sự cố nước thải đảm bảo đúng theo quy định hiện hành.
- Bố trí diện tích đất để trồng cây xanh trong khuôn viên đất của Dự án theo đúng tỷ lệ quy định của pháp luật.
- Thực hiện các yêu cầu về vệ sinh công nghiệp, phòng chống cháy, nổ và các rủi ro sự cố môi trường khác trong quá trình triển khai thực hiện Dự án đảm bảo theo đúng các quy định của pháp luật hiện hành có liên quan.
- Thường xuyên kiểm tra thực hiện các biện pháp an toàn, vệ sinh lao động đảm bảo môi trường làm việc an toàn cho công nhân viên./.